

BÀI TẬP ANDROID 4

Bài tập 1:

Xây dựng ứng dụng có giao diện



Hướng dẫn:

- Tạo giao diện trên 2 file main.xml (nhập thông tin) và contactinfo.xml (hiển thị thông tin)
- Xây dựng Activity chính với giao diện main.xml
- Viết xử lý cho button

```

public void onClick(View v) {
    // TODO Auto-generated method stub
    /// start activity here
    Intent iGetContactInfo = new Intent(getApplicationContext(), ViewContactInfoActivity.class);
    Bundle bundle = new Bundle();
    bundle.putString("nameKey", txtName.getText().toString());
    bundle.putString("emailKey", txtEmail.getText().toString());
    bundle.putString("projectKey", txtProject.getText().toString());
    iGetContactInfo.putExtras(bundle);

    startActivity(iGetContactInfo);
}

```

-Giải thích code:

Tạo một intent liên lạc giữa context (activity hiện thời) và ViewContactInfoActivity

```
Intent iGetContactInfo = new Intent(getApplicationContext(), ViewContactInfoActivity.class);
```

Tạo 1 bundle chứa các thông tin bổ sung

```

Bundle bundle = new Bundle();
bundle.putString("nameKey", txtName.getText().toString());
bundle.putString("emailKey", txtEmail.getText().toString());
bundle.putString("projectKey", txtProject.getText().toString());

```

Thêm các thông tin bổ sung vào intent

```
iGetContactInfo.putExtras(bundle);
```

Hoặc có thể thêm extras trực tiếp vào intent bằng lệnh

```
intent.putExtra("nameKey", txtName.getText().toString());
```

...

Start activity mới

```
startActivity(iGetContactInfo);
```

-Xây dựng ViewContactActivity (file ViewContactActivity.java), lấy và hiển thị các giá trị do activity chính gửi qua

```

public class ViewContactInfoActivity extends Activity {

    TextView txtNameValue;
    TextView txtEmailValue;
    TextView txtProjectValue;

    Button finishBtn;

    /** Called when the activity is first created. */
    @Override
    public void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.contactinfo);

        txtNameValue = (TextView)findViewById(R.id.txtNameInfoValue);
        txtEmailValue = (TextView)findViewById(R.id.txtEmailInfoValue);
        txtProjectValue = (TextView)findViewById(R.id.txtProjectInfoValue);

        finishBtn = (Button)findViewById(R.id.btnFinish);
        finishBtn.setOnClickListener(mClickFinishListener);

        Bundle bundle = getIntent().getExtras();
        String name = bundle.getString("nameKey");
        String email = bundle.getString("emailKey");
        String project = bundle.getString("projectKey");

        txtNameValue.setText(name);
        txtEmailValue.setText(email);
        txtProjectValue.setText(project);
    }
}

```

-Viết xử lý cho button finish: kết thúc activity

```

private View.OnClickListener mClickFinishListener = new View.OnClickListener() {

    public void onClick(View v) {
        // TODO Auto-generated method stub
        finish();
    }
};

```

-Thêm thẻ activity để khai báo trong AndroidManifest.xml

```
<activity android:name=".ViewContactInfoActivity"></activity>
```

-Chạy chương trình

Bài tập 2:

Tạo ứng dụng minh họa các intent-filter

**Hướng dẫn:**

-Tạo giao diện ứng dụng có 1 button như hình

-Viết xử lý cho button

```
btn.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {  
    public void onClick(View view) {  
        Intent intent = new Intent(Intent.ACTION_VIEW, Uri.parse("http://www.google.com.vn"));  
        startActivity(intent);  
    }  
});
```

-Giải thích code: ở đây ta đang tạo ra một intent có khả năng View 1 trang web. Constructor của Intent có 2 tham số tương ứng.

-Chạy ứng dụng và xem kết quả



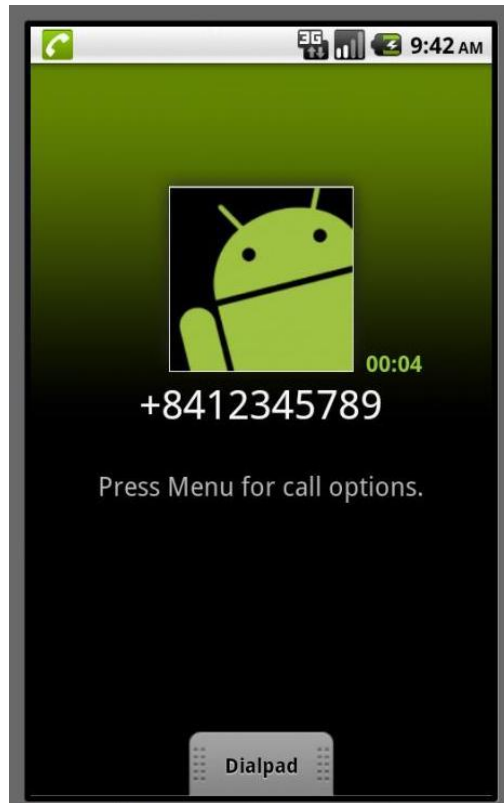
-Sửa intent filter thành Intent.ACTION_CALL

```
Intent intent = new Intent(Intent.ACTION_CALL, Uri.parse("tel:(+84)12345789"));
startActivity(intent);
```

-Thêm permission vào AndroidManifest.xml

```
<uses-permission android:name="android.permission.CALL_PHONE" >
</uses-permission>
```

-Chạy ứng dụng



Bài tập 3:

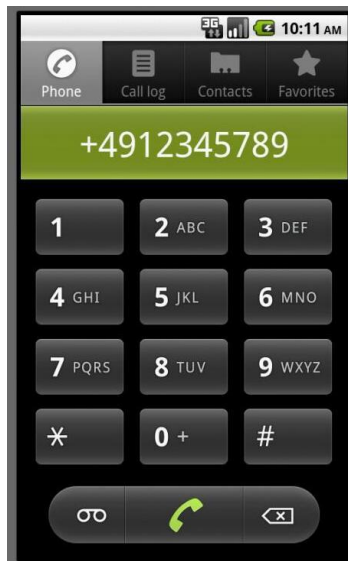
Tiếp tục ứng dụng của bài tập 2, thay thế bằng các intent filter khác và xem kết quả

Thêm các permission vào AndroidManifest.xml

```
<uses-permission android:name="android.permission.CALL_PRIVILEGED" >
</uses-permission>
<uses-permission android:name="android.permission.CALL_PHONE" >
</uses-permission>
<uses-permission android:name="android.permission.CAMERA" >
</uses-permission>
<uses-permission android:name="android.permission.READ_CONTACTS" >
</uses-permission>
<uses-permission android:name="android.permission.INTERNET"/>
```

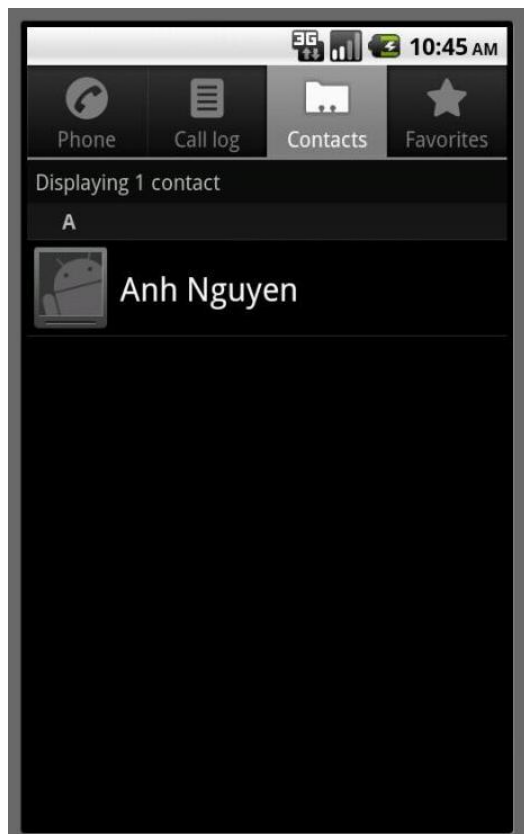
Intent.ACTION_DIAL

```
Intent intent = new Intent(Intent.ACTION_DIAL, Uri.parse("tel:(+49)12345789"));
```



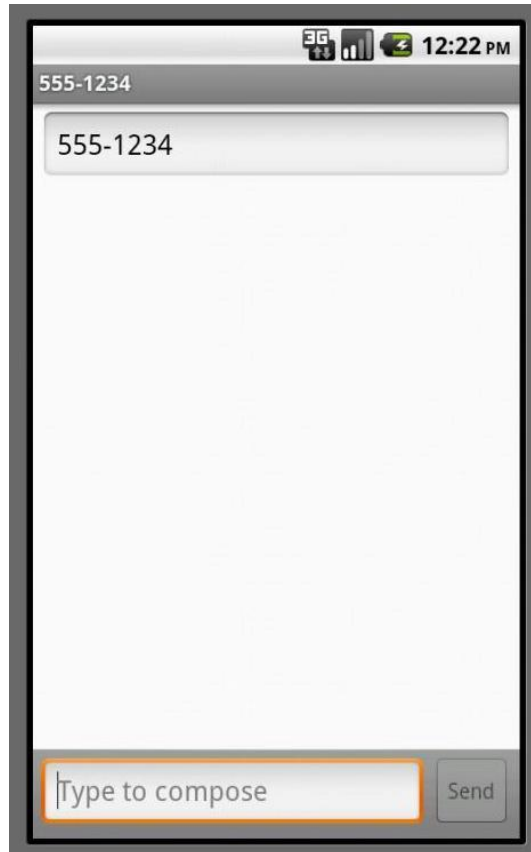
Intent.ACTION_VIEW

```
Intent intent = new  
Intent(Intent.ACTION_VIEW, Uri.parse("content://contacts/people/"));
```



Intent.ACTION_SENDTO

```
intent = new Intent( Intent.ACTION_SENDTO, Uri.parse("sms:5551234"));
intent.putExtra("sms_body", "Thu bay nay di choi khong?");
```



Xem ảnh

```
Intent myIntent = new Intent();

myIntent.setType("image/pictures/*");

myIntent.setAction(Intent.ACTION_GET_CONTENT);

startActivity(myIntent);
```

Nghe nhạc

```
Intent myActivity2 = new Intent("android.intent.action.MUSIC_PLAYER");

startActivity(myActivity2);
```


Tìm đường đi từ điểm A đến điểm B

```
String url = "http://maps.google.com/maps?" +  
            "saddr=9.938083,-84.054430&daddr=9.926392,-84.055964";  
  
Intent intent = new Intent(Intent.ACTION_VIEW, Uri.parse(url));  
  
startActivity(intent);
```

-Tìm hiểu và tham khảo thêm các intent, intent-filter khác